

Số: 58/QĐ-THPTPVN

Ý Yên, ngày 20 tháng 04 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**“V/v. Thành lập Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10**  
**Năm học 2024-2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN NGHỊ**

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGD&ĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Thông tư 05/2023/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên (dành cho trường chuyên);

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND, ngày 22/03/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024-2025;

Xét năng lực cán bộ, giáo viên, nhân viên.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tuyển sinh trường THPT Phạm Văn Nghị năm học 2024-2025 gồm các Ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký và Ủy viên.

**Điều 2.** Hội đồng tuyển sinh trường THPT Phạm Văn Nghị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Nam Định:

- Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của nhà trường theo công văn hướng dẫn tuyển sinh năm học 2024-2025;
- Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh vào lớp 10, năm học 2024-2025.

**Điều 3.** Các Ông (bà) có tên tại Điều 1 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Công TTĐT của trường;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Hà Trung**



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH VÀO LỚP 10  
THPT PHẠM VĂN NGHỊ, NĂM HỌC 2024-2025**

**TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN NGHỊ**

*(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ- THPT PVN ngày 20 tháng 4 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường THPT Phạm Văn Nghị*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Hà Trung	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Hồng Hợi	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Bùi Quang Sáng	Thư ký Hội đồng GD	Thư ký	
4	Nguyễn Thị Nhật	TT Sinh học	Ủy viên	
5	Bùi Thị Lệ Hằng	TT Ngữ văn	Ủy viên	
6	Nguyễn Thu Hoa	TT Hóa - TD	Ủy viên	
7	Trần Thị Thanh Nga	TT Ngoại ngữ	Ủy viên	

*Danh sách gồm 07 người.*

Số: 59/TB-THPTPVN

Nam Định, ngày 20 tháng 4 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-THPTPVN ngày 20/4/2024  
của Hiệu trưởng trường THPT Phạm Văn Nghị)

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGD&ĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Thông tư 05/2023/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên (dành cho trường chuyên);

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND, ngày 22/03/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn 645/SGD&ĐT-GDTrH ngày 17/04/2024 của Sở GD&ĐT Nam Định về việc Hướng dẫn triển khai một số nội dung tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025;

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

Số lượng lớp	Số học sinh
10	450

**2. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh:**

Học sinh có đồng thời 2 điều kiện dưới đây được đăng ký dự thi vào trường THPT Phạm Văn Nghị.

- Đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình GDTX, trong độ tuổi theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (theo Điều 33 Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học);

- Tốt nghiệp THCS tại tỉnh Nam Định hoặc có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Nam Định nhưng tốt nghiệp THCS tại tỉnh khác và có đủ hồ sơ hợp lệ. Các trường hợp đặc biệt thì phải được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định cho phép.

### **3. Hình thức đăng ký dự thi, thời gian, địa điểm tuyển sinh:**

- Hình thức đăng ký dự thi tuyển sinh: Trực tuyến
- Thời gian thi: Ngày 07, 08/6/2024 (Theo lịch của Sở GD&ĐT Nam Định)
- Địa điểm thi: Tại trường THPT Phạm Văn Nghị

### **4. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển**

Tổ chức thi tuyển cho những học sinh có nguyện vọng dự thi tại trường THPT Phạm Văn Nghị.

a/ Bài thi, môn thi, hình thức thi và thời gian làm bài thi:

Mỗi thí sinh phải làm đủ 03 bài thi:

- Bài 1: Môn Toán: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận (phần thi trắc nghiệm chiếm 20%, phần thi tự luận chiếm 80% tổng số điểm bài thi), thời gian làm bài 120 phút;

- Bài 2: Môn Ngữ văn: Thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận (phần thi trắc nghiệm chiếm 20%, phần thi tự luận chiếm 80% tổng số điểm bài thi), thời gian làm bài 120 phút;

- Bài 3: Môn Ngoại ngữ: thi theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận (phần thi trắc nghiệm chiếm không quá 50% tổng số điểm bài thi), thời gian làm bài 60 phút. Thí sinh có thể chọn đăng ký dự thi một trong ba thứ tiếng: Tiếng Anh, tiếng Nga hoặc tiếng Pháp.

*b/ Nội dung, mức độ của đề thi*

Nội dung thi nằm trong chương trình THCS hiện hành do Bộ GD&ĐT quy định, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 9; đề thi có độ phân hoá, có câu hỏi mở, gắn với thực tiễn.

*c/ Thang điểm bài thi:* Bài thi được chấm theo thang điểm 10, lấy đến chữ số thập phân thứ hai sau dấu phẩy.

*d/ Hệ số điểm bài thi:*

Điểm của bài thi môn Ngữ văn và Toán tính hệ số 2, điểm bài thi môn Ngoại ngữ tính hệ số 1.

## 5. Tuyển thẳng

Tuyển thẳng vào trường THPT Phạm Văn Nghị là những học sinh:

- Tốt nghiệp THCS tại trường phổ thông dân tộc nội trú, học sinh là người dân tộc rất ít người (theo Khoản 1 Điều 2 Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017); học sinh khuyết tật: Là những học sinh có Giấy xác nhận khuyết tật do xã cấp, có hồ sơ kế hoạch theo dõi, đánh giá riêng đối với học sinh khuyết tật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Những học sinh trong thời gian học tại cấp Trung học cơ sở đạt một trong các thành tích sau:

+ Đạt giải (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) hoặc huy chương (Vàng, Bạc, Đồng, Bằng khen) cấp quốc gia trở lên (do Bộ GD&ĐT tổ chức hoặc Bộ GD&ĐT phối hợp tổ chức) về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao;

+ Đạt giải (Nhất, Nhì, Ba, Tư) cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông do Bộ GD&ĐT tổ chức.

Lưu ý: Hồ sơ đạt giải/huy chương phải do Bộ GD&ĐT hoặc Bộ GD&ĐT và đơn vị phối hợp cấp.

## 6. Chế độ ưu tiên

- Cộng 2,00 điểm cho một trong các đối tượng:

+ Con liệt sỹ;

+ Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- Cộng 1,50 điểm cho một trong các đối tượng:

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động.

+ Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Cộng 1,00 điểm cho đối tượng:

+ Người dân tộc thiểu số hoặc người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.

\* Lưu ý: Đối với học sinh thuộc nhiều đối tượng ưu tiên thì được hưởng chế độ ưu tiên ở mức cao nhất.



## **7. Phương thức xét đỗ:**

### **a) Điểm xét đỗ:**

Là tổng điểm của 03 bài thi (đã tính hệ số) và điểm ưu tiên (nếu có).

### **b) Điều kiện xét trúng tuyển:**

- Sở GDĐT căn cứ vào kết quả điểm xét tuyển, quy định điểm sàn xét trúng tuyển đợt 1 cho trường.

- Điều kiện xét trúng tuyển: Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh có đủ các điều kiện sau:

- + Có đủ 03 bài thi theo quy định;
- + Điểm mỗi bài thi phải lớn hơn 1,00;
- + Có điểm xét tuyển đạt từ điểm sàn trở lên.

### **c) Nguyên tắc xét trúng tuyển:**

Sở GDĐT căn cứ vào kết quả điểm xét tuyển, quy định điểm sàn xét trúng tuyển (xác định theo nguyên tắc tính khoảng 115% so với chỉ tiêu, trong đó có tính đến việc đảm bảo chất lượng giáo dục và quyền lợi học tập của học sinh khá, giỏi). Trường hợp đặc biệt, những trường đã lấy trúng tuyển hết học sinh đạt từ điểm sàn trở lên mà chưa đạt 70% chỉ tiêu được giao, giao Sở GDĐT xem xét, hạ điểm sàn cho đơn vị này để đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh tại địa phương nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào của nhà trường.

#### **- Xét trúng tuyển đợt 1:**

+ Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, trường lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

+ Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

++ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà không vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì lấy trúng tuyển hết số thí sinh này;

++ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì xét những thí sinh này theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao: Đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa lớp 9 THCS cấp tỉnh (theo thứ tự ưu tiên Giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích); có điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình cả năm môn Toán và Ngữ văn ở lớp 9 cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí mà vẫn còn các thí sinh có tiêu chí cuối bằng nhau thì lấy trúng tuyển hết những thí sinh này.

- **Xét trúng tuyển đợt 2:** Đảm bảo nguyên tắc như xét trúng tuyển đợt 1.

Sau khi có thông báo điểm sàn, điểm chuẩn hoặc danh sách dự kiến trúng tuyển đợt 2, trường họp Hội đồng tuyển sinh để xét trúng tuyển và duyệt với Sở GD&ĐT Nam Định theo quy định.

### III/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch và thực hiện thi tuyển sinh theo đúng chỉ đạo của UBND Tỉnh, Sở Giáo dục&Đào tạo Nam Định và báo cáo các cơ quan chức năng liên quan.

- Ban lãnh đạo, các đồng chí trong Hội đồng tuyển sinh của nhà trường có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi tới các trường THCS trên địa bàn, nhân dân và học sinh các địa phương về công tác tuyển sinh của nhà trường, làm tốt công tác tiếp nhận hồ sơ và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Các đồng chí được phân công, điều động làm nhiệm vụ tại Hội đồng coi thi thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy chế.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Hà Trung**

Số: 60/BB-THPTPVN

Nam Định, ngày 20 tháng 4 năm 2024

**BIÊN BẢN**  
**Về việc công khai các điều kiện giáo dục năm học 2024-2025**

Hôm nay, hồi 14 giờ 30 phút ngày 20/4/2024.

Tại Trường THPT Phạm Văn Nghị

Trường THPT Phạm Văn Nghị đã tiến hành tổ chức lập biên bản tiến hành công khai Kế hoạch tuyển sinh và các điều kiện giáo dục năm học 2024-2025.

**I. Thành phần tham gia lập biên bản**

- |                        |                                 |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hà Trung | Đại diện lãnh đạo đơn vị.       |
| 2. Ông Cà Trung Hiếu   | Đại diện BCH Công đoàn          |
| 3. Ông Nguyễn Văn Long | Đại diện Ban Thanh tra nhân dân |
| 4. Ông Bùi Quang Sáng  | Người ghi biên bản              |

**II. Nội dung:**

**1. Thông qua nội dung công khai:**

Thông báo nội dung công khai tuyển sinh năm học 2024-2025

Thông báo Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025.

Thông báo công khai các điều kiện giáo dục (Biểu mẫu 09,10,11,12) của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo về việc thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**2. Thời điểm công khai:**

Từ ngày 20/4/2024 đến ngày 06/6/2024

**3. Hình thức công khai**

- Công khai tại địa chỉ trang Web của nhà trường :

<https://thptphamvannghe.edu.vn/category/cong-khai/> do ông Hoàng Mạnh Hà- Bí

thư Đoàn TNCSHCM - GV Tin học phụ trách, có sự chứng kiến của Ông Bùi Quang Sáng - Thư ký nhà trường

- Niêm yết công khai tại nhà trường 04 địa điểm:

+ Bảng tin Hội đồng nhà trường.

+ Văn phòng nhà trường (Nơi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh).

+ Bảng tin nhà trường.

+ Cổng trường.

- Tất cả các biên bản công khai được Ban giám hiệu nhà trường ký duyệt, đóng dấu, bà Phạm Thị Thùy dán niêm yết, có sự chứng kiến của Ông Bùi Quang Sáng- Thư ký Hội đồng nhà trường.





#### 4. Ý kiến thành viên

- Các thành viên nhất trí cao với việc công khai các điều kiện tuyển sinh để giáo viên, phụ huynh học sinh nắm được các điều kiện: Đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường.

Biên bản lập xong hồi 16h30 phút ngày 20/4/2024. Đại diện những người có liên quan cùng thống nhất tiến hành công khai./.

**Thủ trưởng đơn vị**



Nguyễn Hà Trung

**Thư kí**

Bùi Quang Sáng

**Đại diện Ban thanh tra nhân dân**

Nguyễn Văn Long

**Đại diện BCH Công đoàn**

Cà Trung Hiếu

**Đại diện Đoàn TNCSHCM**

Hoàng Mạnh Hà



## THÔNG BÁO

### Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

Công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt  
Thực hiện theo Điều 5.

Hình thức công khai: Thực hiện theo Điều 8: Công khai trên địa chỉ trang  
Web của nhà trường: <https://thptphamvannghi.edu.vn/category/cong-khai/>.

Công khai theo biểu mẫu 9, 10, 11, 12 của Thông tư số 36/2017/TT-  
BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về  
thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục  
quốc dân.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- Lưu VT.



Nguyễn Hà Trung

**Biểu mẫu 09**

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Sở GD&amp;ĐT Nam Định

(Tên cơ sở giáo dục): Trường THPT Phạm Văn Nghị

**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,  
năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo các điều kiện tuyển sinh đúng, đủ theo công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT Nam Định.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện Kế hoạch, phân phối chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT Nam Định	Thực hiện Kế hoạch, phân phối chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT Nam Định	Thực hiện Kế hoạch, phân phối chương trình chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT Nam Định
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường cam kết có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để giáo dục học sinh; yêu cầu học sinh học tập nghiêm túc, chấp hành đúng, đủ các quy định của nhà trường, Sở GD&ĐT Nam Định	Nhà trường cam kết có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để giáo dục học sinh; yêu cầu học sinh học tập nghiêm túc, chấp hành đúng, đủ các quy định của nhà trường, Sở GD&ĐT Nam Định	Nhà trường cam kết có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để giáo dục học sinh; yêu cầu học sinh học tập nghiêm túc, chấp hành đúng, đủ các quy định của nhà trường, Sở GD&ĐT Nam Định
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đảm bảo học sinh được hỗ trợ các hoạt động tập thể, sinh hoạt: hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoại khoá, tư vấn tâm lý, giáo dục giới	Đảm bảo học sinh được hỗ trợ các hoạt động tập thể, sinh hoạt: hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoại khoá, tư vấn tâm lý, giáo dục	Đảm bảo học sinh được hỗ trợ các hoạt động tập thể, sinh hoạt: hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoại khoá, tư

		<p>tính</p> <p>Miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho những học sinh thuộc diện con TB, BB, gia đình chính sách, gia đình nghèo, cận nghèo, học sinh hoàn cảnh khó khăn có thành tích tốt trong học tập.</p>	<p>giới tính</p> <p>Miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho những học sinh thuộc diện con TB, BB, gia đình chính sách, gia đình nghèo, cận nghèo, học sinh hoàn cảnh khó khăn có thành tích tốt trong học tập</p>	<p>vấn tâm lý, giáo dục giới tính</p> <p>Miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho những học sinh thuộc diện con TB, BB, gia đình chính sách, gia đình nghèo, cận nghèo, học sinh hoàn cảnh khó khăn có thành tích tốt trong học tập.</p>
V	<p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</p>	<p>-Năng lực tự chủ và tự học.</p> <p>- Học tập: Học sinh đạt loại + Tốt , Khá 85,5%</p> <p>- Rèn luyện: Loại Tốt, Khá: 97,54%</p> <p>-Các phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, trách nhiệm.</p>	<p>-Năng lực tự chủ và tự học</p> <p>- Học tập: Học sinh đạt loại Tốt, Khá: 91.09%</p> <p>+ Rèn luyện: Loại Tốt, Khá: 97.48 %</p> <p>- Các phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, trách nhiệm.</p>	<p>-Năng lực tự chủ và tự học</p> <p>-Học lực: Học sinh đạt loại Giỏi, Khá: 97.74%</p> <p>+ Hạnh kiểm: Loại Tốt, Khá: 98,73%</p> <p>- Các phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, trách nhiệm.</p>
VI	<p>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</p>	<p>100% học sinh đủ điều kiện và khả năng học tập lên lớp</p>	<p>100% học sinh đủ điều kiện và khả năng học tập lên lớp</p>	<p>100% học sinh đủ khả năng và điều kiện để vào các trường Trung cấp Cao đẳng và Đại học</p>

Ý Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hà Trung

## Biểu mẫu 10

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Sở GD&ĐT Nam Định

(Tên cơ sở giáo dục): Trường THPT Phạm Văn Nghị

### THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm K10 + K11,</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>85.33</b>	83.48	87.21		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>12.19</b>	14.06	10.51		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>2.37</b>	2.46	2.28		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0.11</b>	0	0.23		
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả Hạnh kiểm K12</b>	<b>100%</b>			<b>100%</b>	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.16			93.16	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6.08			6.08	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.76			0.76	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.51			0.51	
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo học tập K10+K11</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>34.76</b>	33.26	36.3		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>53.73</b>	52.45	55.02		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>11.4</b>	14.29	8.45		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0.11</b>	0	0.23		



<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực K12</b>	<b>100%</b>			<b>100%</b>	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>56.21</b>			<b>56.21</b>	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>43.54</b>			<b>43.54</b>	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0.25</b>			<b>0.25</b>	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0.00</b>			<b>0.00</b>	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0.00</b>			<b>0.00</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>98.93</b>	97.55	99.25	100	
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	<b>1.56</b>	1.56			
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>27.33</b>	11.14	23.06	47.79	
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	<b>56.02</b>		61.4	50.65	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	<b>1.06</b>	2.45	0.75	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0.62</b>	0	1.36	0.5	
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>395</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>395</b>	
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>					

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	560/719	191/257	178/258	191/204	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	1/1279	0/448	0/436	1/395	

Ý Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hà Trung



**Biểu mẫu 11**

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Sở GD&amp;ĐT Nam Định

(Tên cơ sở giáo dục): Trường THPT Phạm Văn Nghị

**THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	30	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	30	1,25/1
1	Phòng học kiên cố	30	1,25/1
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	06	0,22
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	30/36	1,2
8	Bình quân học sinh/lớp	1279/30	42,6
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	0
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	21340	17,1
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	700	0,56
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	216	0,135
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48	0,03
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	48	0,03
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	48	0,03
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	1	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	72	0,045
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	29	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	8	0,8
1.2	Khối lớp 11	9	0,81





1.3	Khối lớp 12	12	1,09
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp...	0	0
2.2	Khối lớp...	0	0
2.3	Khối lớp...	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	26	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	05	0,15
2	Cát xét	03	0,09
3	Đầu Video/đầu đĩa	08	0,25
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	0,3
5	Thiết bị khác...	0	0

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	26	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	05	0,15
2	Cát xét	03	0,09
3	Đầu Video/đầu đĩa	08	0,25
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	0,3
5	Thiết bị khác...	0	0

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0



XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		04		01
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				0

( \*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Ý Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hà Trung



**Biểu mẫu 12**

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Sở GD&ĐT Nam Định

(Tên cơ sở giáo dục): Trường THPT Phạm Văn Nghị

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>78</b>		<b>04</b>	<b>68</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>67</b>	<b>5</b>		<b>71</b>				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>68</b>		<b>04</b>	<b>64</b>				<b>63</b>	<b>5</b>		<b>68</b>				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	11			11				10	1		11				
2	Văn	9			9				9			9				
3	Anh	8		1	7				8			8				
4	Lý	8			8				7	1		8				
5	Hóa	6			6				5	1		6				
6	Sinh	5		2	3				4	1		5				
7	Sử	4			4				3	1		4				
8	Địa	3			3				3			3				
9	GDCD	2			2				2			2				
10	TD-ANQP	5			5				5			5				
11	Tin học	4			4				4			4				
12	KTCN	2		1	1				2			2				
13	KTNN	1			1				1			1				
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>				<b>3</b>			<b>3</b>				
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2			2				
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>7</b>			<b>1</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>								
1	Nhân viên văn thư	1					1									
2	Nhân viên kế toán	1			1											



3	Thủ quỹ																	
4	Nhân viên y tế	1				1												
5	Nhân viên thư viện	1				1												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																	
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1								1								
9	Nhân viên bảo vệ	1								1								
10	Nhân viên phục vụ																	

Ý Yên ngày 20 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hà Trung

